

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/DS-PT

Ngày: 23 - 7 - 2018

V/v tranh chấp về dân sự di sản
thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp về dân sự di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh T; nơi cư trú tại Tổ dân phố A, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh T – Văn phòng Luật sư NT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đức H; nơi cư trú tại Số B, đường NTN, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị Thúy H; nơi cư trú tại Số C, đường NĐC, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà Hoàng Thị C; nơi cư trú tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà C : Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1977; nơi cư trú tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2018).

3.3. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1964 (đã chết)

Người thừa kế của ông Hoàng Văn T:

- Bà Đoàn Thị Minh T, sinh năm 1965
- Chị Hoàng Thị Minh C, sinh năm: 1987
- Anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1989

Cùng nơi cư trú tại Số D đường LĐT, Phường Đ, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(chị Hoàng Thị Minh C, anh Hoàng Minh T ủy quyền cho bà Đoàn Thị Minh T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2018).

3.4. Bà Trần Thị N; nơi cư trú tại Số F, đường NTN, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Ông Vy Văn S; Nơi cư trú tại Số G, đường TN, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3.6. Quỹ tín dụng nhân dân LN; địa chỉ trụ sở Số H, đường TN, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân LN: Ông La Văn B; chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện ĐT.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện ĐT: Ông Võ Văn P; chức vụ Chủ tịch UBND huyện ĐT là người đại diện theo pháp luật.

4. Người kháng cáo: Ông Hoàng Đức H - Bị đơn.

(Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, ông T, bà T có mặt; Quỹ tín dụng nhân dân LN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông S, bà H, UBND huyện ĐT vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh T trình bày: Bố mẹ bà là cụ Hoàng Văn D (Tòa án nhân dân huyện ĐT tuyên bố đã chết vào ngày 26/02/2008) và cụ

Hoàng Thị T (*chết năm 2007*) có 07 người con gồm: bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Văn T1 (*đã chết năm 1972; không có vợ con*), ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Thúy H, ông Hoàng Văn N (*chết năm 1976; không có vợ con*), ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Thanh T. Khi còn sống cụ D và cụ T không có con nuôi và không có con riêng. Riêng ông Hoàng Văn T đã chết vào năm 2016, ông T có vợ là bà Đoàn Thị Minh T và 02 con là cháu Hoàng Thị Minh C, cháu Hoàng Minh T đang làm ăn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản do cụ D và cụ T tạo lập là diện tích khoảng 3.000m² đất tại thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc đất do bố mẹ khai phá từ trước năm 1954 gồm: Thửa 282 diện tích 497m²; thửa 284 diện tích 345m²; thửa 285 diện tích 675m²; thửa 286 diện tích 172m²; thửa đất 287 diện tích 1.584m² đều thuộc tờ bản đồ địa chính Số K, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ diện tích đất trên hiện do vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N đang canh tác sử dụng. Ông H tự ý đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 mang tên Hoàng Đức H. Trước đây khi cụ D, và cụ T còn sống toàn bộ diện tích đất trên do hai cụ và các anh chị em trong gia đình cùng canh tác. Đến năm 2005 ông H trực tiếp quản lý sử dụng không cho anh chị em cùng canh tác trên đất. Việc ông H được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên các anh chị em đều không được biết, chỉ khi khởi kiện ra Tòa thì mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Đức H. Trước khi chết cụ D và cụ T đều không để lại di chúc, nay bà yêu cầu được chia thừa kế các diện tích đất thuộc các thửa 282, 284, 285, 286, 287, tờ bản đồ địa chính Số 26 theo quy định của pháp luật cho bà và các đồng thừa kế. Đối với thửa đất 282 diện tích 497m² tờ bản đồ địa chính Số 26, ông H đã tự ý chuyển nhượng cho ông S vào khoảng năm 2011, ông S sử dụng từ đó đến nay, hiện tại ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì bà không biết.

Bị đơn ông Hoàng Đức H trình bày: Bố mẹ ông là cụ Hoàng Văn D (Tòa án nhân dân huyện ĐT tuyên bố đã chết vào ngày 26/02/2008) và cụ Hoàng Thị T (*chết năm 2007*). Quá trình chung sống cụ D và cụ T có 07 người con chung và không có con nuôi, không có con riêng nào khác đúng như lời bà T trình bày.

Theo ông thì nguồn gốc các thửa đất gồm: Thửa 282 diện tích 497m²; thửa 284 diện tích 345m²; thửa 285 diện tích 675m²; thửa 286 diện tích 172m²; thửa đất 287 diện tích 1584m² đều thuộc tờ bản đồ địa chính Số K đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng là do ông khai phá trước năm 1975. Sau năm 1975 ông tiếp tục khai phá và sản xuất từ đó đến nay. Đến năm 1992 Nhà nước

yêu cầu kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã đăng ký kê khai, được bố mẹ đồng ý và được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/1995. Ông và gia đình đã sử dụng từ đó đến nay, không có tranh chấp với anh chị em trong gia đình. Riêng thửa đất số 282, tờ bản đồ địa chính Số K, tọa lạc tại thị trấn LN, huyện ĐT ông đã chuyển nhượng cho ông Vy Văn S, được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vy Văn S, giữa ông và ông Vy Văn S không có tranh chấp gì. Nay bà Hoàng Thị Thanh T yêu cầu chia di sản thừa kế tại các thửa 282, 284, 285, 286, 287 tờ bản đồ K, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN Huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, ông không đồng ý vì ông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông là người sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị Thúy H trình bày: Bố mẹ bà là cụ Hoàng Văn D (Tòa án nhân dân huyện ĐT tuyên bố đã chết vào ngày 26/02/2008) và cụ Hoàng Thị T (chết năm 2007) có 07 người con gồm: bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Văn T1 (đã chết năm 1972; không có vợ con), ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Thúy H, ông Hoàng Văn N (chết năm 1976; không có vợ con), ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Thanh T. Khi còn sống cụ D và cụ T không có con nuôi và không có con riêng. Riêng ông Hoàng Văn T đã chết vào năm 2016, ông T có vợ là bà Đoàn Thị Minh T và 02 con là cháu Hoàng Thị Minh C, cháu Hoàng Minh T đang sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà T yêu cầu chia đất cho các đồng thừa kế bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu bà được chia phần thừa kế bà xin nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông Hoàng Đức H được nhận và không có yêu cầu gì.

2. Bà Đoàn Thị Minh T, chị Hoàng Thị Minh C, anh Hoàng Minh T là những người thừa kế kỷ phần của ông Hoàng Văn T trình bày: Cụ Hoàng Văn D (Tòa án nhân dân huyện ĐT tuyên bố đã chết vào ngày 26/02/2008) và cụ Hoàng Thị T (chết năm 2007) có 07 người con gồm: bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Văn T1 (đã chết năm 1972; không có vợ con), ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Thúy H, ông Hoàng Văn N (chết năm 1976; không có vợ con), ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị Thanh T. Khi còn sống cụ D và cụ T không có con nuôi và không có con riêng. Riêng ông Hoàng Văn T đã chết vào năm 2016, ông T có vợ là bà Đoàn Thị Minh T và 02 con là Hoàng Thị Minh C và Hoàng Minh T đang làm ăn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay bà Hoàng Thị Thanh T yêu cầu chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế thì bà T, anh T, chị C yêu cầu được nhận phần thừa kế của ông Hoàng Văn T theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm có đưa bà Đoàn Thị Minh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người được thừa kế phần di sản của ông Hoàng Văn T được hưởng từ phần di sản của cụ D và cụ T nhưng bà T từ chối nhận và đề nghị Tòa án giải quyết chia cho hai con tên là Hoàng Thị Minh C và Hoàng Minh T được nhận phần thừa kế mà ông T được hưởng theo quy định của pháp luật.

3. Bà Hoàng Thị C do ông Nguyễn Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Hoàng Thị C là một trong bảy người con của cụ Hoàng Văn D (Tòa án nhân dân huyện ĐT tuyên bố đã chết vào ngày 26/02/2008) và cụ Hoàng Thị T (chết năm 2007). Quá trình chung sống cụ D và cụ Thụ có 07 người con chung đúng như lời trình bày của bà Hoàng Thị Thanh T và ông Hoàng Đức H.

Theo ông Thế trình bày thì tài sản đang tranh chấp giữa bà Hoàng Thị Thanh T và ông Hoàng Đức H có nguồn gốc do cụ D và cụ T để lại, không có di chúc. Nay bà Hoàng Thị Thanh T yêu cầu chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế thì ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế cho mẹ ông là bà Hoàng Thị C được nhận theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Ông Vy Văn S trình bày: Năm 2011 ông có nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Đức H 01 lô đất có diện tích 497m² tại thửa đất số 282, tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng và đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 284491 ngày 08/8/2012. Nay bà Hoàng Thị Thanh T yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, giữa ông và ông Hoàng Đức H không có tranh chấp về diện tích đã nhận chuyển nhượng nói trên.

5. Bà Trần Thị N trình bày: Bà là vợ của ông Hoàng Đức H. Nay theo đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh T đòi chia thừa kế diện tích các thửa 282, 284, 285, 286, 287 tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thì bà không đồng ý vì đó là tài sản của ông Hoàng Đức H, hiện vợ chồng bà đang quản lý sử dụng các diện tích đất trên, bà thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng đức H và không có ý kiến gì khác.

6. Quỹ tín dụng nhân dân LN do ông La Văn B đại diện theo pháp luật trình bày: Hiện nay ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N đang thế chấp tài sản 01 lô đất có diện tích là 6.608m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng cấp, trong đó có diện tích các thửa 284, 285, 286, 287 tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại thị

trần LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, bà Hoàng Thị Thanh T đang tranh chấp với ông Hoàng Đức H. Thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 17/4/2017 đến ngày 17/4/2018 với tổng số tiền vay là 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), khoản vay nói trên chưa đến thời hạn trả nợ gốc. Nay Quỹ tín dụng nhân dân LN yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐT giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu ảnh hưởng đến tài sản mà ông Hoàng Đức H đang thế chấp vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân LN thì Quỹ tín dụng nhân dân LN sẽ khởi kiện ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N bằng một vụ án dân sự khác.

7. Ủy ban nhân dân huyện ĐT do ông Võ Văn P đại diện theo pháp luật trình bày: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT thì kho lưu trữ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐT chỉ còn lưu trữ Quyết định số 12/QĐ-UB ngày 29/11/1995 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng đất tại thị trấn LN và Danh sách các cá nhân đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo quyết định số 12/QĐ-UB ngày 29/11/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trong danh sách có tên ông Hoàng Đức H, được cấp 27 thửa đất với tổng diện tích là 7.225m².

Do thời gian cấp giấy đã lâu từ năm 1995 – 1996 và quá trình lưu trữ, di chuyển nên hồ sơ đã bị thất lạc đơn xin đăng ký và toàn bộ hồ sơ xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Đức H theo Quyết định số 12/QĐ-UB nêu trên. Vì thế Ủy ban nhân dân huyện ĐT không có cơ sở để xác định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1996 cho ông Hoàng Đức H có đúng hay không. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐT căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan để xét xử vụ án theo quy định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh T về việc chia di sản thừa kế.

- Xác định hàng thừa kế của cụ D, cụ T gồm: bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Đức H, bà Hoàng Thị Thúy H, ông Hoàng Văn T (*chị Hoàng Thị Minh C, ông Hoàng Anh T thừa kế thế vị*), bà Hoàng Thị Thanh T.

- Xác định di sản do cụ Hoàng Văn D, cụ Hoàng Thị T để lại: diện tích 3.273m² - 327.3m² (10% x 3.273m²) là công sức tôn tạo, giữ gìn phần di sản của

ông H = 2945.4m² tại các thửa đất 282, 284, 285, 286, 287 tờ bản đồ địa chính Số 26 đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng để chia đều cho các đồng thừa kế:

* Giao cho ông Hoàng Đức H diện tích 1.517m² (01 kỷ phần của ông H, 01 kỷ phần của bà H và 10% công sức tôn tạo, giữ gìn di sản) gồm 497m² tại thửa đất 282; 345m² tại thửa đất 284; 675m² tại thửa đất 285 tờ bản đồ địa chính Số 26, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; trong đó có 497m² tại thửa đất 282, tờ bản đồ địa chính Số 26 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã bán cho ông Vy Văn Svà ông S đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 nên tiếp tục giao cho ông S phần diện tích đất trên. (có họa đồ kèm theo)

* Giao cho chị Hoàng Thị Minh C, anh Hoàng Anh T (người thừa kế thế vị của ông Hoàng Văn T) diện tích 585m² gồm 172m² tại thửa đất 286 và một phần thửa 287 bản đồ địa chính Số 26, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (có họa đồ kèm theo).

* Giao cho bà Hoàng Thị Thanh T diện tích 585m² tại một phần của thửa 287 bản đồ địa chính Số 26, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (có họa đồ kèm theo).

* Giao cho bà Hoàng Thị C diện tích 586m² tại phần còn lại của thửa 287 bản đồ địa chính Số 26, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (có họa đồ kèm theo).

- Buộc ông Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Thanh T 2.249.200đ (Hai triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm đồng) tiền chi phí định giá.

- Buộc anh Hoàng Minh T, chị Hoàng Thị Minh C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Thanh T số tiền 1.124.600đ (Một triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng) tiền định giá và đo vẽ.

- Buộc bà Hoàng Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Thanh T số tiền 1.124.600đ (Một triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng) tiền định giá và đo vẽ.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện ĐT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hoàng Đức H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ngày 29/11/1995 và các bên được chia đất có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí:

- Buộc ông Hoàng Đức H phải nộp 15.928.500đ (*Mười lăm triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Buộc chị Hoàng Thị Minh C, ông Hoàng Minh T phải nộp 6.142.500đ (*Sáu triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Buộc bà Hoàng Thị Thanh T phải nộp 6.142.500đ (*Sáu triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được trừ vào số tiền 50.000đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số No 021057 ngày 11/3/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT nên bà T phải nộp 6.074.500đ (*Sáu triệu, bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng*).

- Buộc bà Hoàng Thị C phải nộp 6.153.000đ (*Sáu triệu, một trăm năm mươi ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Ngày 27/9/2017 bị đơn ông Hoàng Đức H có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử (*sau đây gọi là HĐXX*) bác đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày luận cứ và khẳng định diện tích đất thuộc các thửa 282 diện tích 497m²; thửa 284 diện tích 345m²; thửa 285 diện tích 675m²; thửa 286 diện tích 172m²; thửa đất 287 diện tích 1584m² đều thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26 đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng là di sản thừa kế do cụ D và cụ T để lại và không có di chúc, nay nguyên đơn và các đồng thừa kế đều yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản nói trên theo pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng thừa kế.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, vẫn giữ nguyên lời trình bày tài sản tranh chấp là tài sản riêng của ông Hoàng Đức H có nguồn gốc do ông khai phá. Khi còn sống cụ Hoàng Văn D có sức khỏe rất yếu, ông là con trai trưởng trong gia đình gánh vác mọi công việc, ngoài ra còn có vợ ông là bà Trần Thị N cũng tham gia quán xuyến công việc gia đình khi cụ D bỏ đi biệt tích. Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, bà khẳng định các diện tích đất mà bà Hoàng Thị Thanh T yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc do ông Hoàng Đức H chồng bà khai phá từ trước năm 1975 và gia đình bà đã canh tác quản lý sử dụng cho đến nay. Nếu phải chia thừa kế thì đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế và đề nghị HĐXX xem xét đến công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo tài sản nói trên đối với vợ chồng bà cho phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Minh T trình bày: Bà đề nghị HĐXX chia phần di sản thừa kế mà ông Hoàng Văn T được hưởng từ cụ D và cụ T cho hai con của bà là Hoàng Thị Minh C và Hoàng Minh T bằng hiện vật để sau này các cháu có nơi sinh sống và canh tác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị C do anh Nguyễn Minh T đại diện trình bày: Vẫn giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế và xem xét được nhận kỷ phần thừa kế cho bà Hoàng Thị C bằng hiện vật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện ĐT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hàng thừa kế:

Theo lời trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm thì cụ Hoàng Văn D sinh năm 1926 đi biệt tích khỏi địa phương từ tháng 11/1992 đã được Tòa án tuyên bố đã chết theo Quyết định số 29/2008/QĐ-VDS ngày 26/02/2008 (BL 02). Cụ Hoàng Thị T sinh năm 1926 chết năm 2007. Quá trình chung sống cụ D và cụ T sinh được 07 người con chung, hai cụ đều không có con riêng và đều không có con nuôi. Trong 07 người con chung có ông Hoàng Văn T1 đã chết năm 1972 và ông Hoàng Văn N đã chết năm 1976, khi còn sống ông T1 và ông N không vợ và không có con đẻ hay con nuôi nào khác. Năm người con của cụ D và cụ T còn lại gồm bà Hoàng Thị

C sinh năm 1949, ông Hoàng Đức H sinh năm 1955, bà Hoàng Thị Thúy H sinh năm 1959, ông Hoàng Văn T sinh năm 1964, bà Hoàng Thị Thanh T sinh năm 1966. Riêng ông Hoàng Văn T chết ngày 18/01/2016 thời điểm chết được xác định sau cụ D và cụ T nên hàng thừa kế của ông T được xác định gồm bà Đoàn Thị Minh T sinh năm 1965 quan hệ là vợ của ông T, và chị Hoàng Thị Minh C sinh năm 1987, anh Hoàng Minh T sinh năm 1989. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T trình bày cấp sơ thẩm có đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bà từ chối và vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị HĐXX chia kỹ phần thừa kế của ông T cho hai con là Hoàng Thị Minh C và Hoàng Minh T được nhận của bố là ông Hoàng Văn T. Bà không có yêu cầu hay khiếu nại gì khác đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy việc từ chối tham gia tố tụng của bà T là hoàn toàn tự nguyện, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn T vẫn được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức H.

Tài sản các đương sự tranh chấp trong vụ án gồm diện tích đất 3.273m² thuộc các thửa 282 diện tích 497m²; thửa 284 diện tích 345m²; thửa 285 diện tích 675m²; thửa 286 diện tích 172m²; thửa 287 diện tích 1.584m² thuộc tờ bản đồ Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Đối chiếu lời trình bày của bị đơn ông H với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do chính ông H xuất trình thì tại “*Biên bản về việc họp gia đình giải quyết tài sản là đất đai kế thừa*” ghi ngày 16/3/2008 có chữ ký của ông Hoàng Đức H và bà Hoàng Thị Thúy H do bị đơn ông Hoàng Đức H xuất trình (BL36, 37) thể hiện nội dung “*Năm 1995 tôi Hoàng Đức H con trai trưởng đã được sự đồng thuận của chị em trong gia đình và mẹ tôi lúc đó còn sống với tôi đứng tên làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 do UBND huyện ĐT cấp ngày 29/11/1995. Nay anh chị em chúng tôi thỏa thuận các điều kiện như sau...*”. Theo ông H trình bày, việc ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất có tranh chấp thừa kế nói trên là do mẹ và anh chị em trong gia đình đồng thuận, trong khi nguyên đơn và các đồng thừa kế khác đều không thừa nhận có sự đồng thuận này, trừ bà Hoàng Thị Thúy H. Đồng thời nội dung trong “*Biên bản hòa giải*” ghi ngày 07/8/2007 của UBND thị trấn LN cũng thể hiện nội dung “*... Ý kiến của ông Hoàng Đức H: đất do cha mẹ để lại giao cho ông H đứng tên đã được UBND huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 cấp ngày 29/11/1995...*” theo các chứng trên thì bản thân ông H cũng đã thừa nhận bố mẹ có để lại tài sản là đất đai, các đồng thừa kế trong vụ án cũng khẳng định điều này và xác định diện tích đất 3.273m² thuộc các thửa 282 diện tích 497m²

đất màu; thửa 284 diện tích 345m² đất màu; thửa 285 diện tích 675m² đất màu; thửa 286 diện tích 172m² đất màu; thửa 287 diện tích 1.584m² đất 1 lúa thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Phía bị đơn ông H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh các diện tích đất nói trên do ông tự khai phá trước năm 1975. Như vậy theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tài sản nói trên được xác định là có nguồn gốc do cụ D và cụ T tạo lập từ trước năm 1954, sau đó cụ D, cụ T và các người con của cụ D, cụ T tiếp tục canh tác sử dụng, trong đó có vợ chồng ông Hoàng Đức H. Năm 1992 cụ D bỏ địa phương đi biệt tích nên diện tích đất trên do cụ T và vợ chồng ông H là con trai trưởng tiếp tục canh tác sử dụng, đến năm 1995 ông H được UBND huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 mang tên Hoàng Đức H gồm 27 thửa đất với diện tích là 7.185m², trong đó có 05 thửa gồm thửa 282 diện tích 497m²; thửa 284 diện tích 345m²; thửa 285 diện tích 675m²; thửa 286 diện tích 172m²; thửa 287 diện tích 1.584m² thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT (BL 40,41). Hiện nay thửa đất số 282 diện tích 472m² đã chuyển thành thửa 215 tờ bản đồ 94 diện tích 429m² mang tên ông Vy Văn S, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 thông qua giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông S vào năm 2012. Trước khi chết cụ D và cụ T không để lại di chúc, khối tài sản này hiện tại do vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N đang quản lý sử dụng. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án căn cứ vào các Điều 623; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 để chia thừa kế khối di sản của cụ D và cụ T theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy không chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức H đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh T. Tuy nhiên cần xem xét đến công sức đóng góp, quản lý, giữ gìn, tôn tạo vào khối tài sản trong quá trình vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N quản lý canh tác sử dụng nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người đang quản lý giữ gìn tài sản theo quy định của pháp luật. Theo lời trình bày của các bên đương sự sau khi cụ D biệt tích vào năm 1992, diện tích trên do cụ T và các con tiếp tục canh tác sử dụng, sau một thời gian những người con lập gia đình có cuộc sống riêng thì diện tích này do vợ chồng ông H, bà N trực tiếp canh tác sử dụng cho đến nay, hiện nay diện tích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Đức H. Do không thể xác định được phần giá trị cụ thể đối với công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo tài sản của bị đơn nên cấp sơ thẩm ấn định phần tỷ lệ tương ứng bằng

hiện vật trong khối tài sản thừa kế là phù hợp, đồng thời việc đóng góp tôn tạo khối tài sản nói trên có công sức đóng góp của bà Trần Thị N trong một thời gian dài, trong khi các đồng thừa kế khác đã tạo lập gia đình, có tài sản riêng và cuộc sống riêng ổn định nên cần xác định mức tỷ lệ đối với công sức đóng góp cao hơn mức tỷ lệ do cấp sơ thẩm xác định mới hợp lý và thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế và xem xét lại công sức đóng góp của vợ chồng ông bà vào khối tài sản tranh chấp trên. Vấn đề này HĐXX thấy rằng để đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp đối với người trực tiếp quản lý giữ gìn, tôn tạo khối tài sản được xác định là di sản thừa kế thì cần xem xét thời gian quản lý, giữ gìn tài sản nói trên của vợ chồng ông H bà N thông qua hoạt động quản lý, sử dụng, kê khai đăng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Do vậy cần xác định thời điểm vợ chồng ông H, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, quá trình sử dụng đất ổn định, đảm bảo các quy định về quản lý, sử dụng đất đai của Nhà nước theo Luật đất đai hiện hành nên cần xác định công sức đóng góp, tôn tạo giữ gìn diện tích đất đối với vợ chồng ông H bà N được hưởng là 30% trong tổng diện tích đất có nguồn gốc do cụ D và cụ T tạo lập. HĐXX xác định phần diện tích đất còn lại là 70% là phần di sản thừa kế do cụ D và cụ T để lại cụ thể như sau: Diện tích được xác định do công sức đóng góp của vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N được hưởng là $3.273\text{m}^2 \times 30\% = 981\text{m}^2$ và diện tích được xác định là di sản thừa kế của cụ D và cụ T còn lại là $3.273\text{m}^2 - 981\text{m}^2 = 2.292\text{m}^2$ phần diện tích này được chia cho 05 người con của cụ D và cụ T với mỗi kỹ phần thừa kế bằng nhau là $2.292\text{m}^2 : 05 \text{ người} = 458,4\text{m}^2$. Cụ thể như sau:

- Giao cho ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N được nhận diện tích 1.897,8 m^2 trong đó ông H, bà N được nhận 981 m^2 đất do có công sức, tôn tạo quản lý tài sản; ông H được chia 458,4 m^2 đất do được nhận 01 kỹ phần thừa kế và 458,4 m^2 đất do bà Hoàng Thị Thúy H nhường 01 kỹ phần thừa kế, thuộc thửa 282 diện tích 497 m^2 ; thửa 284 diện tích 345 m^2 ; thửa 285 diện tích 675 m^2 ; thửa 286 diện tích 172 m^2 và một phần thửa 287 diện tích 202,8 m^2 có tứ cận phía Đông giáp thửa 286; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị C; phía Nam giáp thửa đất số 326; phía Bắc giáp thửa đất số 248, tờ bản đồ địa chính số 26, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng. Trong đó có phần diện tích đất 497 m^2 thuộc thửa 282 mà ông H đã tự ý sang nhượng cho ông Vy Văn S vào năm 2012, hiện nay đã chuyển thành thửa 215 tờ bản đồ 94 diện tích 429 m^2 (theo GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 mang tên Vy Văn S) việc chuyển nhượng diện tích đất

trên giữa ông S và ông H không có tranh chấp và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Giao cho bà Hoàng Thị C được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287 tờ bản đồ địa chính số 26 có tứ cận phía Đông giáp thửa đất ông H vừa được chia; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Thanh T; phía Nam giáp thửa đất số 324; phía Bắc giáp thửa đất số 248 và thửa 288, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng.

- Giao cho bà Hoàng Thị Thanh T được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287 tờ bản đồ địa chính số 26 có tứ cận phía Đông giáp thửa đất bà C vừa được chia; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T; phía Nam giáp thửa đất số 324; phía Bắc giáp thửa đất số 246 và thửa 288, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng.

- Giao cho chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287 tờ bản đồ địa chính số 26 có tứ cận phía Đông giáp thửa đất bà T vừa được chia; phía Tây giáp thửa đất số 290; phía Nam giáp thửa đất số 323 và thửa 324; phía Bắc giáp thửa đất số 246 và thửa 289, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng.

[3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 do UBND huyện ĐT cấp mang tên Hoàng Đức H, cấp sơ thẩm tuyên kiến nghị UBND huyện ĐT thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là chưa đảm quy định của pháp luật tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên chỉ có 04 thửa trong 27 thửa cần điều chỉnh theo quy định của pháp luật nên cần tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 do UBND huyện ĐT cấp mang tên Hoàng Đức H đối với phần diện tích đất ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa 284 diện tích 345m² đất màu; thửa 285 diện tích 675m² đất màu; thửa 286 diện tích 172m² đất màu; thửa 287 diện tích 1.584m² đất 1 lúa thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Riêng đối với thửa 282 diện tích 497m² đất màu đã được ông Hoàng Đức H chuyển nhượng cho ông Vy Văn S vào năm 2012, đã điều chỉnh thành thửa 215 tờ bản đồ 94 diện tích 429m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 mang tên Vy Văn S, diện tích này đã được UBND huyện ĐT công nhận biến động thông qua giao dịch chuyển nhượng giữa ông H và ông S, đồng thời diện tích này HĐXX phúc thẩm đã giao cho ông H được nhận nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 mang tên Vy Văn S.

Về các chi phí tố tụng khác: Trong quá trình giải quyết vụ án toàn bộ chi phí tố tụng phục vụ cho việc thẩm định giá tài sản, xem xét tại chỗ, đo vẽ hiện trạng các thửa đất được xác định là 5.623.000đ số tiền này do nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh T đã tạm nộp, bản án sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu một phần chi phí tố tụng nói trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hoàng Thị Thanh T cụ thể như sau: ông Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 1.575.000đ (*cụ thể diện tích được nhận của 02 kỷ phần thừa kế $916m^2 \times 1.718 đ/m^2 = 1.575.000đ$*), bà Trần Thị N và ông Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 1.685.400đ, (*cụ thể diện tích được nhận diện tích do công sức đóng góp, giữ gìn tôn tạo tài sản $981m^2 \times 1.718 đ/m^2 = 1.685.400đ$*), bà Hoàng Thị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 787.600đ (*cụ thể diện tích được nhận của 01 kỷ phần thừa kế $458,4m^2 \times 1.718 đ/m^2 = 787.600đ$*), chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 787.600đ (*cụ thể diện tích được nhận của 01 kỷ phần thừa kế $458,4m^2 \times 1.718 đ/m^2 = 787.600đ$*).

[8] Về án phí:

Do xác định lại kỷ phần thừa kế đối với di sản thừa kế có tranh chấp nên cần xác định lại khoản tiền án phí đối với các đương sự. Các đương sự phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 19/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tương ứng với kỷ phần thừa kế được chia là $458,4m^2 \times 210.000đ/m^2 = 96.264.000đ \times 5\% = 4.813.200đ$

- Ông Hoàng Đức H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tương ứng với 02 kỷ phần thừa kế được chia $916,8m^2 \times 210.000đ/m^2 = 192.528.000đ \times 5\% = 9.626.400đ$

- Ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị diện tích tương ứng được chia theo tỷ lệ công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo tài sản là $981m^2 \times 210.000đ/m^2 = 206.010.000đ \times 5\% = 10.300.500đ$

- Bà Hoàng Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tương ứng với kỷ phần thừa kế được chia là $458,4m^2 \times 210.000đ/m^2 = 96.264.000đ \times 5\% = 4.813.200đ$

- Chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tương ứng với kỷ phần thừa kế được chia là $458,4m^2 \times 210.000đ/m^2 = 96.264.000đ \times 5\% = 4.813.200đ$

Tuy nhiên trường hợp của ông Hoàng Đức H sinh năm 1955, bà Trần Thị N sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị C sinh năm 1949 đều đã từ 60 tuổi trở lên thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, nên cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N và bà Hoàng Thị C. Các đương sự khác phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm có liên quan đến yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 19/2/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức H đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh T.
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn ông Hoàng Đức H.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Văn D và cụ Hoàng Thị T gồm: Bà Hoàng Thị C; ông Hoàng Đức H; bà Hoàng Thị Thanh T; ông Hoàng

Văn T và bà Hoàng Thị Thúy H. Hàng thừa kế của ông Hoàng Văn T là bà Đoàn Thị Minh T, chị Hoàng Thị Minh C, anh Hoàng Minh T.

3. Xác định khối tài sản do cụ Hoàng Văn D và cụ Hoàng Thị T tạo lập là diện tích 3.273m^2 thuộc các thửa 282; thửa 284; thửa 285; thửa 286; thửa 287 thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng, đã được UBND huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 mang tên Hoàng Đức H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 284491 ngày 08/8/2012 mang tên Vy Văn S.

4. Xác định giá trị công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo tài sản của vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N tương ứng với diện tích 981m^2 , thuộc tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

5. Xác định khối di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn D và cụ Hoàng Thị T để lại là 2.292m^2 , thuộc tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

6. Xác định một kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất $458,4\text{m}^2$ tương ứng với giá trị 96.264.400đ thuộc tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

7. Công nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Thúy H nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng từ di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn D và cụ Hoàng Thị T cho ông Hoàng Đức H được nhận.

8. Công nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Minh T nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng từ kỷ phần thừa kế của ông Hoàng Văn T cho các đồng thừa kế là chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T được nhận.

9. Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn D và cụ Hoàng Thị T cho các đồng thừa kế được nhận bằng hiện vật cụ thể như sau:

9.1. Giao cho ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị NgH được nhận diện tích $1.897,8\text{m}^2$ trong đó ông H, bà N được nhận 981m^2 đất do có công sức, tôn tạo, quản lý, giữ gìn tài sản và ông H được nhận $916,8\text{m}^2$ đất gồm được chia 01 kỷ phần thừa kế, được nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà Hoàng Thị Thúy H nhường lại, thuộc các thửa sau: Thửa 282 diện tích 497m^2 (ông H đã sang nhượng cho ông Vy Văn S năm 2012); thửa 284, diện tích 345m^2 ; thửa 285 diện tích 675m^2 ; thửa 286 diện tích 172m^2 và một phần thửa 287 diện tích $202,8\text{m}^2$ tờ bản đồ địa chính Số 26, có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa 286; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị C được nhận; phía Nam giáp thửa đất số 326; phía Bắc giáp thửa đất số 248, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng. (có họa đồ phân diện tích đất kèm theo)

9.2 Giao cho bà Hoàng Thị C được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287, tờ bản đồ địa chính Số 26, có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa đất ông H vừa được chia; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho bà Hoàng Thị Thanh T được nhận; phía Nam giáp thửa đất số 324; phía Bắc giáp thửa đất số 248 và thửa 288, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng. *(có họa đồ phần diện tích đất kèm theo)*

9.3 Giao cho bà Hoàng Thị Thanh T được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287, tờ bản đồ địa chính Số 26, có tứ cận như sau: phía Đông giáp thửa đất bà C vừa được chia; phía Tây giáp phần diện tích đất chia cho chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T được nhận; phía Nam giáp thửa đất số 324; phía Bắc giáp thửa đất số 246 và thửa 288, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng. *(có họa đồ phần diện tích đất kèm theo)*

9.4 Giao cho Chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T được nhận diện tích 458,4m² thuộc một phần thửa 287, tờ bản đồ địa chính Số 26, có tứ cận phía Đông giáp thửa đất bà T vừa được chia; phía Tây giáp thửa đất số 290; phía Nam giáp thửa đất số 324; phía Bắc giáp thửa đất số 246, tọa lạc tại thị trấn LN huyện ĐT tỉnh Lâm Đồng. *(có họa đồ phần diện tích đất kèm theo)*

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

10. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654477 ngày 29/11/1995 do UBND huyện ĐT cấp mang tên Hoàng Đức H đối với phần diện tích đất thuộc các thửa 284 diện tích 345m² đất màu; thửa 285 diện tích 675m² đất màu; thửa 286 diện tích 172m² đất màu; thửa 287 diện tích 1.584m² đất 1 lúa, thuộc tờ bản đồ địa chính Số 26, tọa lạc tại đường HG, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

11. Về chi phí tố tụng khác:

11.1. Buộc ông Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 1.575.000đ. *(Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*

11.2. Buộc bà Trần Thị N và ông Hoàng Đức H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 1.685.400đ. *(Một triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng)*

11.3. Buộc bà Hoàng Thị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 787.600đ. *(Bảy trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng)*

11.4. Buộc chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền 787.600đ. *(Bảy trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm đồng)*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

12. Về án phí:

12.1. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Đức H. Hoàn trả cho Hoàng Đức H 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0006908 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT.

12.2. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Hoàng Đức H, bà Trần Thị N.

12.3. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Hoàng Thị C.

12.4. Buộc bà Hoàng Thị Thanh T phải chịu 4.813.200đ (*Bốn triệu, tám trăm mười ba ngàn, hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ (*Năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số No 021057 ngày 11/3/2008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, bà T còn phải nộp 4.763.200đ (*Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

12.5. Buộc chị Hoàng Thị Minh C và anh Hoàng Minh T phải chịu 4.813.200đ (*Bốn triệu, tám trăm mười ba ngàn, hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện ĐT (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng